

Số: 86/2022/QĐST-VHNGĐ

K, ngày 04 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ T**

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân thụ lý số 109/2022/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

- Bà **Lưu Thị Minh H**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số 9/1/8 H1, phường T1, quận T2, TP T.

Địa chỉ liên hệ: Số 5 D, phường T3, quận K, TP T.

- Ông **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số 55/21 C1, phường H2, quận K, TP T.

Địa chỉ liên hệ: Số 103/22 K1, phường H2, quận K, TP T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành.

[2] Về con chung: Bà H và ông L xác định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông L xác định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lưu Thị Minh H** và ông **Nguyễn Tấn L** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà H và ông L xác định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông L xác định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình: Bà H và ông L mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Bà H tự nguyện nộp thay cho ông L 150.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng lệ phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001631 ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận K, thành phố T thành lệ phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**  
(ĐÃ KÝ)

***Nơi nhận:***

- VKSND Q.K;
- Đương sự;
- UBND phường T1, quận T2, TP T;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân.

**Đỗ Thị Diễm Trang**